TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 845/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Ông Bùi Quang Việt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2573/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lý Hồng K, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Pham Thi T (Phạm Thị T), sinh năm 1965 (vắng mặt)

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: Ct San Jose CA 95122, USA.

Các đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Lý Hồng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 2421, Quyển số 08 ngày 09/8/2005. Sau khi kết hôn bà T quay về Hoa Kỳ sinh sống còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Từ năm 2005 đến năm 2010, bà T thường về Việt Nam thăm ông nhưng từ năm 2010 đến nay bà T không còn về Việt Nam nữa và hai bên không còn liên lạc gì với nhau. Do xa cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Vì bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2018 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/5/2018 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco), bị đơn là bà Phạm Thị T xác nhận lời trình bày của ông Lý Hồng K về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay ông K xin ly hôn, bà đồng ý được ly hôn với ông K. Do bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lý Hồng K, Hội đồng xét xử nhận thấy ông K và bà Phạm Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Lý Hồng K được ly hôn bà Phạm Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông K và bà T thì thực tế sau khi kết hôn

hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông K và bà T không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông K và bà T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông K yêu cầu được ly hôn với bà T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông K và bà T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông K chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Hồng K được ly hôn với bà Pham Thi T (Phạm Thị T).

Giấy chứng nhận kết hôn số 2421, Quyển số 08 ngày 09/8/2005 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lý Hồng K và bà Pham Thi T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lý Hồng K và bà Pham Thi T (Phạm Thị T) xác định không có, Tòa không xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lý Hồng K chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông K đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0044055, ngày 26/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ tiền án phí.

4. Ông Lý Hồng K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Bà Pham Thi T (Phạm Thị T) được quyền kháng cáo

trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao